

HỌC TỐT MÔN TIẾNG ANH LỚP 3

UNIT 1: HELLO

Lesson 1 - Unit 1 trang 6, 7 SGK tiếng Anh lớp 3

Lesson 1 (Bài học 1)

Bài 1: Look, listen and repeat. (Nhìn, nghe và đọc lại).

a) A: Hello. I'm Mai.

Xin chào. Mình là Mai.

B: Hi/Mai. I'm Nam.

Xin chào Mai. Mình là Nam.

b) A: Hello. I'm Miss Hien.

Xin chào các em. Cô tên là Hiền.

B: Hello, Miss Hien. Nice to meet you.

Xin chào cô Hiền. Chúng em rất vui được gặp cô.

Bài 2: Point and say. (Chỉ và nói).

a. Hello. I'm Miss Hien. Xin chào. Cô là cô Hiền.

Hello, Miss Hien. I'm Nam. Xin chào cô Hiền. Em là Nam.

b. Hi, Mai. I'm Quan. Xin chào Mai. Mình là Quân.

Hi, Quan. I'm Mai. Xin chào Quân. Mình là Mai.

Bài 3: Let's talk. (Chúng ta cùng nói).

a) Hello. I'm Nam.

Xin chào. Mình là Nam.

Hello. I'm Quan.

Xin chào. Mình là Quân.

Hello. I'm Phong.

Xin chào. Mình là Phong.

b) Hello. I'm Miss Hien.

Xin chào các em. Cô là cô Hiền.

Hello. I'm Hoa.

Xin chào cô. Em là Hoa.

Hello. I'm Mai.

Xin chào cô. Em là Mai.

Bài 4: Listen and tick. (Nghe và đánh dấu chọn).

Gợi ý đáp án

1. b	2. a
------	------

Nội dung bài nghe

1. Nam: Hello. I'm Nam.

Quan: Hello, Nam. I'm Quan. Nice to meet you.

2. Miss Hien: Hello. I'm Miss Hien.

Class: Hello, Miss Hien. Nice to meet you.

Hướng dẫn dịch

1. Nam: Xin chào. Mình là Nam

Quân: Xin chào Nam. Mình là Quân. Rất vui được gặp bạn

2. Cô Hiền: Xin chào. Cô là cô Hiền

Cả lớp: Xin chào, cô Hiền. Chúng con rất vui được gặp cô

Bài 5: Let's write. (Chúng ta cùng viết).

Gợi ý đáp án

1. Mai: Hello. I'm Mai.

Nam: Hi, Mai. I'm Nam.

2. Miss Hien: Hello. I'm Miss Hien.

Class: Hello, Miss Hien. Nice to meet you.

Hướng dẫn dịch

1. Mai: Xin chào. Mình là Mai.

Nam: Chào Mai. Mình là Nam.

2. Cô Hiền: Xin chào. Cô tên là Hiền.

Lớp học: Xin chào cô Hiền. Rất vui được gặp cô.

Bài 6: Let's sing. (Chúng ta cùng hát).

Hello

Hello. I'm Mai.

Hello. I'm Mai.

Hello. I'm Nam.

Hello. I'm Nam.

Hello. I'm Miss Hien.

Hello. I'm Miss Hien.

Nice to meet you.

Nice to meet you

Hướng dẫn dịch

Xin chào

Xin chào. Mình là Mai.

Xin chào. Mình là Mai.

Xin chào. Mình là Nam.

Xin chào. Mình là Nam.

Xin chào. Cô là cô Hiền.

Xin chào. Cô là cô Hiền.

Rất vui được gặp cô.

Rất vui được gặp cô.

Lesson 2 - Unit 1 trang 8, 9 SGK tiếng Anh lớp 3

Lesson 2 (Bài học 2)

Bài 1: Look, listen and repeat. (Nhìn, nghe và lặp lại)

a) Hi, Nam. How are you?

Chào, Nam. Bạn khỏe không?

I'm fine, thanks. And you?

Mình khỏe, cảm ơn. Còn bạn thì sao?

Fine, thank you.

Mình vẫn khỏe, cảm ơn bạn.

b) Bye, Nam.

Tạm biệt, Nam.

Bye, Mai.

Tạm biệt, Mai.

Bài 2: Point and say. (Chỉ và nói).

a. How are you, Nam?

Bạn khỏe không, Nam?

Fine, thanks. And you?

Mình khỏe, cảm ơn bạn. Còn bạn thì sao?

Fine, thank you.

Mình khỏe, cảm ơn bạn.

b. How are you, Phong?

Bạn khỏe không, Phong?

Fine, thanks. And you?

Mình khỏe, cảm ơn bạn. Còn bạn thì sao?

Fine, thank you.

Mình khỏe, cảm ơn bạn.

Bài 3: Let's talk. (Chúng ta cùng nói).

How are you, Phong?

Bạn khỏe không, Phong?

Fine, thank you. And you?

Mình khỏe, cảm ơn bạn. Còn bạn thì sao?

Fine, thank you.

Mình khỏe, cảm ơn bạn.

Bài 4: Listen and number. (Nghe và điền số).

Gợi ý đáp án

a - 4 b - 3 c - 2 d - 1

Audio script

1. Miss Hien: Hello. I'm Miss Hien.

Class: Hello, Miss Hien. Nice to meet you.

2. Nam: How are you, Miss Hien?

Miss Hien: I'm fine, thanks. And you?

Nam: I'm fine, thank you.

3. Miss Hien: Goodbye, class.

Class: Goodbye, Miss Hien.

4. Nam: Bye, Mai.

Mai: Bye, Nam.

Hướng dẫn dịch

1. Cô Hiền: Xin chào. Cô là cô Hiền

Cả lớp: Xin chào cô Hiền. Chúng con rất vui được gặp cô

2. Nam: Cô khỏe không, cô Hiền?

Cô Hiền: Cô khỏe, cô cảm ơn. Còn con thì sao?

Nam: Con khỏe, con cảm ơn cô

3. Cô Hiền: Tạm biệt cả lớp

Cả lớp: Tạm biệt cô Hiền

4. Nam: Tạm biệt Mai

Mai: Tạm biệt Nam

Bài 5: Read and complete. (Đọc và hoàn thành câu).

(1) Goodbye (2) Bye (3) Fine (4) thank you

1. Miss Hien: Goodbye, class.

Class: (1) Goodbye, Miss Hien.

2. Mai: Bye, Nam.

Nam: (2) Bye, Mai.

3. Nam: How are you, Quan?

Quan: (3) Fine, thanks. And you?

Nam: Fine, (4) thank you.

Bài 6: Let's write. (Chúng ta cùng viết).

How are you?

Bạn khỏe không?

Fine, thanks. And you?

Mình khỏe, cảm ơn bạn. Còn bạn thì sao?

Fine, thanks.

Mình khỏe, cảm ơn bạn.

Lesson 3 - Unit 1 trang 10, 11 SGK tiếng Anh lớp 3**Lesson 3. (Bài học 3)****Bài 1. Listen and repeat (Nghe và lặp lại)**

b bye Bye, Nam. (Tạm biệt Nam)

h hello Hello Nam. (Xin chào Nam)

Bài 2. Listen and write (Nghe và viết)

1. Bye, Nam

2. Hello, Mai

Audio script

1. Bye, Nam

2. Hello, Mai

Bài 3. Let's chant. (Chúng ta cùng hát ca).

Hello Xin chào

Hello, I'm Mai Xin Chào, mình là Mai

Hi, Mai Chào, Mai

I'm Nam Mình là Nam

Nice to meet you Rất vui được gặp bạn

Bài 4. Read and match. (Đọc và nối).

1 - d Hello. I'm Miss Hien.

Hello, Miss Hien. Nice to meet you.

2 - a Hi. I'm Nam.

Hello, Nam. I'm Mai.

3 - b Bye, Mai.

Bye, Nam.

4 - c How are you?

I'm fine, thanks.

Bài 5. Read and write. (Đọc và viết).

1. Hello/Hi. I'm Mai. Xin chào. Mình là Mai

2. Hi, Mai. I'm Nam. Chào, Mai. Mình là Nam.

3. Nice to meet you, Miss Hien. Rất vui được biết cô, cô Hiền, à.

4. How are you? Bạn khỏe không?

5. Fine/I'm fine, thanks. Mình khỏe, cảm ơn.

Bài 6. Project (Dự án).

Làm thẻ tên cho em và bạn học. Giới thiệu chúng cho cả lớp. Mỗi thẻ tên gồm các phần sau:

School: (Tên trường)

Class: (Tên lớp)

Name: (Tên của bạn)

Ví dụ:

School: Kim Dong Class: 3A

Name: Phuong Trinh

Mời bạn đọc tham khảo thêm nhiều tài liệu ôn tập Tiếng Anh 3 khác như:

Giải bài tập Tiếng Anh lớp 3 cả năm: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-3>

Trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 3 online: <https://vndoc.com/test/tieng-anh-lop-3>

